TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Phùng Duy Nam
2. Ông Hoàng Trọng Lượng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Hà Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ ngày 07/6/2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh L, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện Y, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến K, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện Y, tỉnh P.

Anh Nguyễn Tiến K hiện đang chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh T.

(Chị L, anh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thanh L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến K có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/5/2004 tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại khu H, xã Đ, huyện Y, tỉnh P. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không

hợp nhau, anh Nguyễn Tiến K không chỉn chu làm ăn, chơi bời, nghiện ma túy nên đã bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh P xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án hình sự sơ thẩm số 59 ngày 16.5.2024. Chị và anh Nguyễn Tiến K đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đặng Thị Thanh L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến K.

Về con chung: Chị Đặng Thị Thanh L xác định chị và anh Nguyễn Tiến K có 03 con chung là cháu Nguyễn Đặng Tuấn A, sinh ngày 12/6/2004; cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 23/9/2008; cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 02/03/2012. Khi ly hôn do cháu Nguyễn Đặng Tuấn A đã thành niên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Tiến H và cháu Nguyễn Tiến Đ hiện nay đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hữu và cháu Đại. Chị L không đề nghị anh Nguyễn Tiến K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Đặng Thị Thanh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía anh Nguyễn Tiến K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và nhất trí ly hôn với chị Đặng Thị Thanh L. Ngoài ra, anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 23/9/2008; cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 02/03/2012 cho chị Đặng Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị Thanh L vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh L miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến K phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Đặng Thị Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K. Bị đơn là anh Nguyễn Tiến K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu H, xã Đ, huyện Y, tỉnh P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K. Chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Tòa án nhân dân huyện Y tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K có đăng ký kết hôn với nhau ngày với nhau vào ngày 06/5/2004 tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh P, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị phát sinh những mâu thuẫn do anh K không chỉn chu làm ăn, chơi bời dẫn đến nghiện ma túy nên chị L và anh K đã ly thân không sống cùng với nhau nữa. Kể từ khi hai vợ chồng ly hôn chị L và anh K không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ gia đình. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đặng Thị Thanh L đề nghị ly hôn. Anh Nguyễn Tiến K cũng nhất trí. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K là phù hợp.

Về con chung: Chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K có 03 con chung là cháu Nguyễn Đặng Tuấn A, sinh ngày 12/6/2004; cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 23/9/2008; cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 02/03/2012. Khi ly hôn do cháu Nguyễn Đặng Tuấn A đã thành niên nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu

Nguyễn Tiến H và cháu Nguyễn Tiến Đ hiện nay đang ở cùng với chị L, đều có nguyện vọng ở với chị Đặng Thị Thanh L nên cần giao cháu Hữu và cháu Đại cho chị Đặng Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Đặng Thị Thanh L không không đề nghị anh Nguyễn Tiến K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị Thanh L thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Do vậy cần hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chị Đặng Thị Thanh L đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006421 ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh P.

Anh Nguyễn Tiến K thuộc hộ nghèo. Mặc dù đã được giải thích về việc thuộc đối tượng được miễn án phí nhưng anh K không làm đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật. Do vậy, anh Nguyễn Tiến K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 23/9/2008; cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 02/03/2012 cho chị Đặng Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị Thanh L vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh L miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến K phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Đặng Thị Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006421 ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh P.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ, h.Y;
(Đăng ký kết hôn ngày 06/5/2004)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang